

Số: 14 /BC-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng ngành Sư phạm Hóa học (Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; căn cứ vào kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, căn cứ kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT Sư phạm Hóa học sau đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng; Khoa KHTN&CN báo cáo kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng như sau:

1. Kết quả kiểm định chương trình đào tạo và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng:

Chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn vào ngày 18 tháng 10 năm 2023; số tiêu chí đạt: 44/50 chiếm tỷ lệ 88%, tiêu chí có điểm cao nhất: 5,0 điểm, tiêu chí có điểm thấp nhất: 3,0 điểm.

Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định rõ ràng và cơ bản phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục đại học. CDR của CTĐT được rà soát, cập nhật, mô tả cụ thể và rõ ràng công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung theo quy định. 100% ĐCHP có đầy đủ thông tin theo quy định của Nhà trường và được rà soát, cập nhật vào các năm 2020 và 2021. Nhà trường đã công bố đầy đủ nội dung bản mô tả CTĐT, khung CTĐT, danh mục và kế hoạch đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP đã được Khoa, Bộ môn phổ biến đến toàn thể GV để biết và tổ chức thực hiện. CTDH được xây dựng trên cơ sở CDR Kế hoạch đào tạo toàn khoá được thiết kế cơ bản phù hợp, logic trong 8 học kỳ. PPD&H và PPKT&ĐG cơ bản phù hợp với đặc thù của từng HP. CTDH đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung có khảo sát ý kiến của CBLQ và đối sánh với CTĐT của một số cơ sở giáo dục trong nước. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức và công bố công khai được phổ biến đến CB, GV và NH hiểu và thực hiện. GV đã kết hợp phương pháp thuyết trình với tổ chức cho SV thảo luận, thực hiện bài tập, thực hành ở phòng thí nghiệm và thực tế phổ thông. GV đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, đặc biệt là dạy học trực tuyến trong giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến

phức tạp. Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về quy trình và kế hoạch đánh giá KQHT của NH. Một số phương pháp, công cụ đánh giá kết thúc HP đã được sử dụng để đánh giá việc đáp ứng CDR của CTĐT. Quy định về khiếu nại KQHT của SV được thiết lập, được công bố công khai đến các GV và SV biết để thực hiện. Hình thức công bố KQHT của SV được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường. Nhà trường có kế hoạch phát triển nhân sự, chú trọng việc phát triển đội ngũ GV và NV đặc biệt tập trung thu hút đội ngũ GV chất lượng cao; thực hiện đúng quy định về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, giải quyết chế độ hưu trí, tiếp nhận GV từ nơi khác, chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng. Năng lực của đội ngũ GV, NCV và NV được xác định và được đánh giá. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NV phục vụ được thu thập, được triển khai thực hiện; có nhiều GV, NV tham gia ĐTBĐ phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch. Chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH được thể hiện đầy đủ trong Đề án tuyển sinh hằng năm. Công tác truyền thông tuyển sinh được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Trường có bộ phận, cán bộ chuyên trách được phân công giám sát KQHT, khối lượng học tập; sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV. Nhà trường có môi trường làm việc, môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo không khí thoải mái trong các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong Trường. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, các giảng đường, hội trường và các phòng chức năng của Trường ĐHTN được trang bị đầy đủ thiết bị và nội thất phù hợp để hỗ trợ các hoạt động điều hành, đào tạo và nghiên cứu. Trường ĐHTN có trường THPT thực hành và Trung tâm kỹ năng sư phạm để thực hiện các hoạt động kiến tập, thực hành, thực tập. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của CBLQ làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. Kết quả nghiên cứu từ một số đề tài NCKH, công trình công bố và tài liệu tham khảo được sử dụng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hoạt động dạy, học của GV và đánh giá KQHT của NH; các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của GV và NH. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh thông qua hệ thống phần mềm quản lý. Trường/Khoa có thực hiện khảo sát về tình hình việc làm sau tốt nghiệp của NH theo kế hoạch khảo sát hằng năm. Số liệu về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành SPHH được xác lập, giám sát, trong đó tỷ lệ có việc làm đúng và gần ngành đào tạo sau tốt nghiệp trong giai đoạn đánh giá 2017-2022 là rất cao. Trường có quy định về hoạt động NCKH của NH, trong đó xác lập mục tiêu, loại hình, nguồn kinh phí và các hoạt động NCKH của NH.

Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng trong thời gian tiếp theo:

- Nhà trường/Khoa định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung các tiêu chí trong CTĐT đáp ứng tốt các quy định hiện hành. Bộ môn và GV cần rà soát, hoàn thiện tất cả các ĐCHP, mô tả tóm tắt, mục tiêu và CDR của HP, mối quan hệ giữa CDR của HP với CDR của CTĐT, sự tương thích giữa phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với

CĐR của HPKhoa/ Bộ môn/ GV rà soát, cập nhật ĐCHP để đảm bảo sự tương thích giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT được phân nhiệm, giữa CĐR với nội dung HP và PPD&H, PPKTĐG; giảm số lượng các HP trong CTĐT, tăng số tín chỉ của HP, giảm bớt nội dung hàn lâm và chuyên sâu về hóa học, tăng thời lượng thực hành phương pháp dạy học, bổ sung các nội dung gắn liền hóa học với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nhà trường/Khoa cần thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo tập huấn về các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng CĐR trong đó có phương pháp dạy học dự án để phát huy tính chủ động và phát triển năng lực của SV.

- Trường cần đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV, xây dựng kế hoạch nhân sự dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Khoa cần xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ tổng thể trong từng giai đoạn dài hạn, trung hạn phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường. Nhà trường cần xem xét và cân đối khối lượng công việc của từng GV của Khoa về số lượng giờ giảng vượt chuẩn; tăng cường chính sách thu hút hấp dẫn ứng viên có chức danh GS, PGS, làm nòng cốt cho Khoa/Bộ môn; hoàn thiện và ban hành văn bản quy định chi tiết về Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ GV.

- Nhà trường và Khoa cần rà soát quy trình giám sát sự tiến bộ của SV, quan tâm tới thông kê, phân tích và xử lý dữ liệu, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ SV để giảm tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp muộn hằng năm.

- Tăng cường cải thiện nguồn cung cấp học liệu, trang thiết bị máy móc thư viện phục vụ học tập tra cứu. Tăng cường khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đặc biệt cán bộ quản lý để cải thiện chất lượng của CTĐT, tuyển sinh phù hợp với xu thế.

2. Đề xuất, kiến nghị:

- Khoa KHTN&CN, Bộ môn tiếp tục thực hiện cập nhật, rà soát CTĐT chủ động hơn.

- Tăng cường hỗ trợ công nghệ số để kết nối, quản lý các thông tin nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng CTĐT

- Đội ngũ giảng viên tiếp tục được nâng cao trình độ.

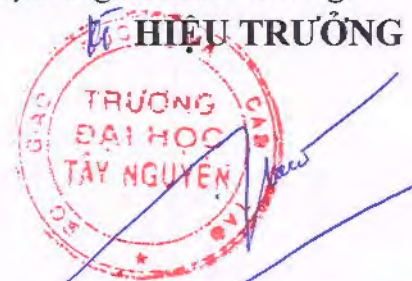
- Tăng cường kết nối, hỗ trợ sinh viên, giảng viên tham gia nhiều các hoạt động NCKH

- Nhà trường sử dụng các công nghệ kỹ thuật số và dữ liệu số hóa.

- Nhà trường cải thiện cơ sở vật chất của kí túc xá, hệ thống wifi toàn trường.

Nơi nhận:

- HĐBĐCLGD (để biết);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị (để biết)
- Lưu: HCTH, QLCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm



KẾT QUẢ

KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-ĐHTN ngày 24 tháng 01 năm 2025)

1. Các hoạt động cải tiến đã thực hiện và kết quả

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả TĐG | Kết quả KĐCLGD (KQ ĐGN) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Kết quả đạt được sau khi thực hiện CTNCCL | Các hoạt động đã thực hiện và kết quả |
|---|------------------|-------------------------|---|---|---------------------------------------|
| Tiêu chuẩn 1 | Đạt; 5,00 | Đạt; 4,00 | | Đạt; 4,33 | |
| Tiêu chí 1.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường/khoa cần rà soát và thống nhất cách diễn đạt và giảm số lượng mục tiêu cụ thể để tránh trùng lặp với CĐR và phù hợp với yêu cầu về mục tiêu của CTĐT tại Điều 4, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/06/2021 của Bộ GD&ĐT. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 1.2 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường/khoa cần rà soát, điều chỉnh các CĐR về kiến thức để đáp ứng mục tiêu đào tạo và phù hợp với trình độ bậc 6 theo Khung trình độ Quốc gia; cần hỗ trợ đối sánh CĐR của CTĐT với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông để làm căn cứ cải tiến chất lượng CTĐT; cần xác định thang đo và sử dụng các động từ phù hợp để thể hiện mức độ đạt được khi mô tả các CĐR về kỹ năng và mức tự chủ và trách | Đạt; 4 | |

| | | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|--|----------|--|
| Tiêu chí 2.3 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường/Khoa cần thực hiện khảo sát CBLQ về hiệu quả của hình thức công bố bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành SPHH | Đạt; 5 | Bộ môn kết hợp với Khoa và Nhà trường đã đưa CTĐT lên website để tất cả mọi đối tượng có thể dễ dàng tiếp cận CTĐT và ĐCHP. Báo cáo Khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài trường về các PPGD của GV, các phương pháp học tập của SV, các phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH ngành SP Hóa học |
| Tiêu chuẩn 3 | Đạt; 4,66 | Đạt; 3,67 | | Đạt; 4,0 | |
| Tiêu chí 3.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường/khoa cần nâng cao chất lượng khảo sát CBLQ trong đó có nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH; cần rà soát, điều chỉnh CTDH để tăng số tín chỉ cho mỗi HP, giảm bớt số HP và đảm bảo tính tích hợp trong CTDH | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 3.2 | Đạt; 5 | Không đạt; 3 | Khoa/Bộ môn cần rà soát, chỉnh sửa lại bản phân nhiệm CDR của CTĐT cho các HP để đảm bảo hợp lý về số lượng, phù hợp giữa nội dung HP với CDR được phân nhiệm đồng thời phải thể hiện được sự phát triển năng lực của SV theo tiến trình đào tạo. ĐCHP cần được Bộ môn và GV rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo sự tương thích giữa CDR của HP với CDR của CTĐT được phân nhiệm, giữa CDR của HP với nội dung HP và phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; cần | Đạt; 4 | GV đã xác định được CDR của học phần phù hợp với CDR của CTĐT ngành SP Hóa học Đề cương chi tiết các học phần của ngành SP Hóa học đã được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính tương thích giữa CDR của CTĐT và CDR của môn học, bao gồm nội dung các PPDH hiệu quả |

| | | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|--|-----------|--|
| | | | chức các hoạt động dạy học | | |
| Tiêu chí 4.2 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường, Khoa KHTN&CN cần thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo tập huấn về các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng CDR trong đó có phương pháp dạy học dự án (Project based learning) để phát huy tính chủ động và phát triển năng lực của SV | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 4.3 | Đạt; 5 | Không đạt; 3 | Trong ĐCHP cần mô tả nhiệm vụ tự học của SV bằng các câu hỏi, vấn đề có tính mở gắn với thực tiễn nghề nghiệp và cần có công cụ phù hợp để kiểm tra, đánh giá nội dung tự học của SV; tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế và trải nghiệm nghề nghiệp cho SV. Mặt khác, Nhà trường cũng cần tăng cường hợp tác với cơ sở giáo dục phổ thông và doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp của SV (Ý kiến của GV và cựu SV). Khoa/Bộ môn cần rà soát và xác định lại các phương pháp dạy học tương thích với CDR được mô tả trong ĐCHP | Đạt; 3,0 | |
| Tiêu chuẩn 5 | Đạt; 4,60 | Đạt; 3,80 | | Đạt; 4,00 | |

| | | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|---|-----------|---|
| | | | trong ĐCHP | | khách quan chưa đề từ đó cải tiến phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp (triển khai qua các cuộc họp giao ban Khoa và cuộc họp bộ môn) |
| Tiêu chí 5.4 | Đạt; 4 | Đạt; 4 | Nhà trường cần bổ sung thời hạn công bố kết quả đánh giá quá trình cho SV, quy định GV chấm phúc khảo bài thi không phải là GV chấm thi và vai trò của Phòng TTPC và Khoa phụ trách chuyên môn trong công tác phúc tra bài thi | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 5.5 | Đạt; 4 | Đạt; 4 | Nhà trường cần công bố công khai quy định về công tác khảo thí trong đó có phúc khảo bài thi trên website của Trường/khoa để CBLQ dễ tiếp cận | Đạt; 4 | |
| Tiêu chuẩn 6 | Đạt; 5,00 | Đạt; 4,00 | | Đạt; 4,29 | |
| Tiêu chí 6.1 | Đạt; 5 | Không đạt; 3 | Trường cần đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV, Xây dựng kế hoạch nhân sự dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Khoa cần xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ tổng thể trong từng giai đoạn dài hạn, trung hạn phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường và Khoa | Đạt; 4,0 | Trường/Khoa đã xây dựng kế hoạch nhân sự dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ (Thông báo số 994_TB_ĐHTN về việc đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2019-2023 và xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2024-2028, tầm nhìn đến năm 2035; 450_TB_ĐHTN Về việc rà soát số lượng vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm; số lượng viên chức và người lao động tương ứng với các chức danh nghề |

| | | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|---|-----------|--|
| | | | tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường/Khoa | | |
| Tiêu chí 6.5 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Khoa cần xây dựng các kế hoạch ĐTBĐ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phục vụ cho việc phát triển đội ngũ GV. Công cụ khảo sát/đánh giá cần được thiết kế khoa học, chuẩn hoá để có thể thu được những thông tin hữu ích phục vụ công tác nhân sự | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 6.6 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường và Khoa cần định kỳ hàng năm xác định nội dung và khối lượng công việc bằng các chỉ số cụ thể liên quan đến hoạt động PVCĐ của GV | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 6.7 | Đạt; 5 | Đạt; 5 | Nhà trường cần tăng cường hợp tác quốc tế và tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa/Bộ môn tham gia các đề tài, dự án cấp Bộ/Tỉnh, Nhà nước và liên kết quốc tế | Đạt; 5 | |
| Tiêu chuẩn 7 | Đạt; 4,80 | Đạt; 4,00 | | Đạt; 4,20 | |
| Tiêu chí 7.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường cần ban hành các kế hoạch tổng thể dài hạn và hàng năm thực hiện việc quy hoạch đội ngũ NV. Trường cần tổng kết phân tích, đánh giá và đề ra các giải pháp thu hút, duy trì và nâng cao chất lượng ngũ NV theo đúng mục tiêu chiến lược đề ra. | Đạt; 4 | |

| | | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|---|-----------|---|
| | | | cáo tổng kết khóa/lớp học và báo cáo đánh giá hiệu quả sau đào tạo. Trường cũng cần quan tâm tổ chức nhiều hơn các khóa đào tạo, bồi dưỡng NV hỗ trợ phát triển các kỹ năng cho NV xuất phát từ yêu cầu của CTĐT và đặc thù tâm lý, văn hóa vùng miền | | |
| Tiêu chí 7.5 | Đạt; 4 | Đạt; 4 | Trường cần thường xuyên và đa dạng các hình thức khảo sát ý kiến NV phục vụ về việc quản trị theo kết quả công việc và thi đua khen thưởng. Khoa KHTN&CN cần hướng dẫn NV của Khoa lập kế hoạch cá nhân đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chuẩn 8 | Đạt; 5,00 | Đạt; 4,00 | | Đạt; 4,60 | |
| Tiêu chí 8.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường cần thực hiện các khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực, phân tích và dự báo về nguồn nhân lực, yêu cầu về chất lượng của nguồn nhân lực, đặc biệt nhu cầu về nhân lực các ngành đào tạo các tỉnh khu vực Tây Nguyên để đưa ra chính sách tuyển sinh phù hợp. Nhà trường cần xây dựng các chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cần bổ sung các yếu tố đặc thù của Ngành SPHH. Khoa KHTN&CN và Bộ môn Hóa học cần tăng cường thêm | Đạt; 5 | Khoa và Bộ môn xây dựng các chính sách tuyển sinh của ngành, được thực hiện trong chương trình tuyển sinh khóa 2023 và 2024, nêu rõ đặc thù được hưởng nghị định 116. Trường, Khoa KHTN&CN và Bộ môn Hóa học đã có chính sách cấp học bổng cho các sinh viên thủ khoa, sinh viên vượt khó học giỏi và sinh viên đạt thành tích cao trong các kì thi Olympic sinh viên Hóa học toàn quốc. Đã thực hiện mở rộng các kênh quảng bá về hình ảnh quảng bá tuyển sinh của Trường, Khoa, Bộ môn. Thực hiện tập huấn giảng viên với tiêu chí mỗi giảng viên là một đại sứ |

| | | | | | |
|--------------|--------|--------|---|--------|--|
| | | | phương thức khác nhau ở mức độ không cao. | | |
| Tiêu chí 8.3 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường và Khoa KHTN&CN cần tăng cường nghiên cứu rà soát quy trình, tăng cường giám sát sự tiến bộ của SV; quan tâm tới thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ SV để giảm tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp muộn hằng năm; cần nâng cấp phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, giám sát quá trình học tập và quá trình rèn luyện của SV. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 8.4 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường và Khoa KHTN&CN cần thành lập bộ phận chuyên trách về việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; thành lập thêm các câu lạc bộ, đổi mới nội dung, cách thức hoạt động nhằm thu hút nhiều SV tham gia, tăng cường kỹ năng mềm cho SV. Nhà trường cần nâng cấp hệ thống máy tính, kết nối wifi; lắp điều hoà, hồ sung quạt mát, bóng điện trong phòng đọc thư; sớm xây dựng thư viện điện tử, bổ sung nguồn học liệu còn thiếu, tăng cường kết nối với hệ thống thư viện ngoài trường; sửa | Đạt; 4 | |

| | | | | | |
|--------------|--------|--------------|---|--------|--|
| | | | xây dựng lại khu vực căng tin phục vụ cán bộ GV và SV trong thời gian sớm nhất. | | |
| Tiêu chí 9.2 | Đạt; 4 | Không đạt; 3 | Nhà trường cần bổ sung học liệu mới và cập nhật phù hợp với Tài liệu chính và tài liệu tham khảo trong ĐCCT các HP; trang bị phần mềm chuyên dụng cho Thư viện; nên đầu tư thư viện điện tử/số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến. Trường cần tăng cường các giải pháp về đầu tư trang thiết bị, hệ thống mạng (đường truyền internet, cấu hình máy tính tại phòng máy và máy tính chạy nghiệp vụ), đa dạng và hiện đại hóa dịch vụ thông tin thư viện để dễ dàng tra cứu dữ liệu và khai thác, sử dụng thông tin; hình thành môi trường đọc thân thiện thuận lợi cho bạn đọc; rà soát, điều chỉnh, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp và quản lý viên chức chuyên ngành thư viện theo quy định của Nghị định 93/2020/NĐ-CP, ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL, ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và đặc biệt quan | Đạt; 3 | |

| | | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|--|-----------|--|
| | | | và cập nhật đầy đủ nội dung trên trang thông tin điện tử theo quy định của Bộ GD&ĐT. | | |
| Tiêu chí 9.5 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Nhà trường cần quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt, học tập an toàn cho người khuyết tật. | Đạt; 5 | Đã nâng cấp các công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật; Đã làm hành lang dành cho người khuyết tật tại các giảng đường. |
| Tiêu chuẩn 10 | Đạt; 5,00 | Đạt; 4,17 | | Đạt; 4,50 | |
| Tiêu chí 10.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường/Khoa cần mở rộng phạm vi lấy ý kiến CBLQ, lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ chuyên gia, giảng viên cùng ngành đào tạo từ các trường đại học khác; chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của NH sau tốt nghiệp làm cơ sở làm cơ sở thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 10.2 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường cần xây dựng, ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và đánh giá, cải tiến CTĐT đáp ứng yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 10.3 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường cần đánh giá quá trình dạy học của GV và đánh giá KQHT của NH cho cấp CTĐT; tách riêng kết quả khảo sát cho CTĐT; lập kế hoạch cải tiến hoạt động dạy học của đội | Đạt; 4 | |

| | | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|---|----------|--|
| | | | tiên, nâng cao chất lượng sau đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục. | | |
| Tiêu chuẩn 11 | Đạt; 5,00 | Đạt; 4,00 | | Đạt; 4,0 | |
| Tiêu chí 11.1 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường/Khoa cần thực hiện các giám sát, phân tích và quan trọng nhất là các dự báo tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn hiệu quả hơn để có biện pháp/giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp hằng năm. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 11.2 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Trường và Khoa cần rà soát, đánh giá lại những biện pháp giúp NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp không phù hợp với NH ngành SPHH nhằm tìm những biện pháp khác phù hợp hơn. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 11.3 | Đạt; 5 | Đạt; 5 | Cần đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa CTĐT ngành SPHH với các CTĐT tương ứng ở các trường đại học khác trong nước. Cần có các biện pháp hữu hiệu hơn như tăng cường dịch vụ hỗ trợ, phục vụ NH để tạo ra sự gắn kết của NH với Trường/Khoa, lưu giữ các dữ liệu về NH để có thể theo vết sau khi tốt nghiệp, tăng tỉ lệ phản hồi của NH tốt nghiệp. | Đạt; 4 | |
| Tiêu chí 11.4 | Đạt; 5 | Đạt; 4 | Cần có chính sách đồng bộ trong việc đa dạng hóa các hoạt động NCKH của NH, khuyến khích NH tham gia NCKH, với việc công nhận và khen thưởng phù hợp. | Đạt; 4 | |

2. Các nội dung cần cải tiến trong chu kỳ tiếp theo

| Tiêu chuẩn Tiêu chí | Nội dung cần cải tiến trong giai đoạn 2025-2028 | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|------------------------|---|--------------------------------|---|---------|
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | Trong lần cập nhật CTĐT năm 2025, Khoa cần thể hiện rõ hơn năng lực NCKH của SV tốt nghiệp tại mục tiêu cụ thể của CTĐT trong lần cập nhật sau, viết phần mục tiêu cô đọng hơn. | Khoa, Bộ môn, Phòng Đào tạo | 1/2025 – 6/2025 | |
| Tiêu chí 1.2 | Hoàn thiện tính tương thích với mục tiêu đào tạo đối với CDR C6 (về năng lực NCKH) của CTĐT. Tiếp tục rà soát tính đo lường được đối với CDR của CTĐT | Khoa, Bộ môn, Phòng Đào tạo | 1/2025 – 6/2025 | |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.2 | Rà soát và hoàn thiện mức độ đóng góp của các HP đối với việc đạt được các CDR của CTĐT, đặc biệt CDR liên quan đến năng lực tự học. Rà soát và cập nhật các PPKTĐG theo hướng phù hợp hơn với CDR của HP. | Khoa, Bộ môn | 1/2025 – 6/2025 | |
| Tiêu chí 3.3 | Chủ động cập nhật CTDH dựa trên kết quả khảo sát các bên liên quan và đối sánh các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước | Khoa, Bộ môn | 1/2025 – 6/2025 | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.2 | Tiếp tục hoàn thiện việc lựa chọn các PPGD và KTĐG theo hướng phù hợp hơn nữa với CDR của HP | Khoa, Bộ môn | 1/2025 – 6/2025 | |
| Tiêu chí 4.3 | Nhấn mạnh hoạt động tự nghiên cứu, tự học trong các ĐCHP và trong hoạt động dạy học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Tăng cường tài liệu nước ngoài đối với các HP trong CTĐT, đặc biệt đối với các HP cơ sở, chuyên ngành | Khoa, Bộ môn | 1/2025 – 6/2025 | |

| | | | | |
|----------------------|--|---|------------------|--|
| | các phương thức khác nhau/tổ hợp môn khác nhau (ngay từ năm thứ nhất). Từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá sự phù hợp, độ tin cậy của kết quả tuyển sinh và đưa ra được tiêu chí tuyển sinh phù hợp với đặc thù đào tạo của ngành. Cần xây dựng giải pháp cải tiến nếu thấy sự tương quan giữa các đối tượng tuyển sinh từ các phương thức khác nhau ở mức độ không cao | | | |
| Tiêu chuẩn 10 | | | | |
| Tiêu chí 10.1 | Trường/Khoa cần mở rộng phạm vi lấy ý kiến CBLQ, lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ chuyên gia, giảng viên cùng ngành đào tạo từ các trường đại học khác; chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của NH sau tốt nghiệp làm cơ sở làm cơ sở thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH | Khoa, Bộ môn, Phòng QLCL, Phòng Đào tạo, Phòng KHQHQT | 1/2025 – 12/2028 | |
| Tiêu chuẩn 11 | | | | |
| Tiêu chí 11.2 | Trường/Khoa sẽ rà soát, đánh giá lại những biện pháp giúp NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp không phù hợp với NH ngành SPVL nhằm tìm những biện pháp khác phù hợp hơn | Khoa, Bộ môn, Phòng Đào tạo | 1/2025 – 12/2028 | |
| Tiêu chí 11.3 | Thực hiện đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa CTĐT ngành SPVL với các CTĐT tương ứng ở các trường ĐH khác trong nước. Cần có các hiện pháp hữu hiệu hơn như tăng cường dịch vụ hỗ trợ, phục vụ NH để tạo ra sự gắn kết của NH với Trường/Khoa, lưu giữ các dữ liệu về NH để có thể theo vết sau khi tốt nghiệp, tăng tỉ lệ phản hồi của NH tốt nghiệp | Khoa, Bộ môn Phòng Đào tạo | 1/2025 – 12/2028 | |
| Tiêu chí 11.4 | Xây dựng kế hoạch và thiết lập các chỉ số thực hiện chính (KPIs) về NCKH của NH ngành SPVL và đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác, làm cơ sở để định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động, từ đó có các đề xuất/đầu tư cho NCKH và triển khai các hoạt động giúp nâng cao số lượng và chất lượng NCKH nên chưa tạo động lực cho NH | Khoa, Bộ môn, P. KHQHQT | 1/2025 – 12/2025 | |
| Tiêu chí 11.5 | Triển khai đối sánh mức độ hài lòng giữa các năm và giữa các CTĐT ngoài trường cũng như phân tích kết quả khảo sát và đề xuất | Khoa, Bộ môn, P. QLCL | 1/2025 – 12/2028 | |